

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi
Công trình: Hồ chứa nước Núi Một**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

*Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19/6*2017;*

Căn cứ Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;

Căn cứ Quyết định số 64/2020/QĐ-UBND ngày 17/9/2020; Quyết định số 59/2021/QĐ-UBND ngày 30/9/2021 và Quyết định số 73/2022/QĐ-UBND ngày 30/11/2022 của UBND tỉnh Ban hành Quy định phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 87/2020/QĐ-UBND ngày 18/12/2020 của UBND tỉnh Ban hành quy định phân cấp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 418/TTr-SNN ngày 06/12/2022 và ý kiến của Sở Tài chính tại Văn bản số 2673/STC-DNTH ngày 14/9/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi công trình Hồ chứa nước Núi Một do UBND tỉnh là chủ sở hữu, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là chủ quản lý, Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định là chủ thể khai thác, cụ thể như sau:

1. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi công trình Hồ chứa nước Núi Một.

2. Loại công trình: Công trình phục vụ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Địa điểm công trình: Xã Nhon Tân, thị xã An Nhon, tỉnh Bình Định.

4. Nguyên giá công trình: 169.807.875.999 đồng.

Giá trị còn lại của tài sản tính đến tháng 12/2022: 137.842.349.171 đồng.

Trong đó:

- Giá trị tài sản theo số liệu của Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi quản lý tính đến thời điểm tháng 12/2022	67.528.099.171 đồng.
- Giá trị tài sản theo dự án Sửa chữa, nâng cấp hồ Núi Một thuộc dự án Quản lý thiên tai (WB5)	70.314.250.000 đồng.

(Có phụ lục danh mục tài sản giao quản lý kèm theo)

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thực hiện tiếp nhận tài sản, đồng thời thực hiện các thủ tục theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 5 Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ và điểm a khoản 1 Điều 10 Quyết định số 87/2020/QĐ-UBND ngày 18/12/2020 của UBND tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính; Giám đốc Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PVP NN;
- Lưu: VT, K10.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục 1
Danh mục tài sản giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi
Công trình: Hồ chứa nước Núi Một

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: đồng

STT	Danh mục tài sản	Địa điểm	Đơn vị tính	Số lượng	Năm xây dựng	Năm bàn giao	Diện tích		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tình trạng tài sản	Ghi chú
							Đất (m ²)	Sàn sử dụng (m ²)				
1	Công trình hồ chứa nước Núi Một	Xã Nhon Tân, thị xã An Nhon							169.807.875.999	137.842.349.171	Đang sử dụng	
1.1	Giá trị tài sản theo số liệu của Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi quản lý tính đến thời điểm tháng 12/2022		cái	01		2012	247.700		99.493.625.999	67.528.099.171	Đang sử dụng	
1.2	Giá trị tài sản theo dự án Sửa chữa, nâng cấp hồ Núi Một thuộc dự án Quản lý thiên tai (WB5)					2017	2020	123.000	70.314.250.000	70.314.250.000	Đang sử dụng	

Phụ lục 2
Danh mục tài sản giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi
Công trình: Hồ chứa nước Núi Một (thuộc dự án Quản lý thiên tai WB5)

Hạng mục: Tuy nen

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh))

Đơn vị tính: đồng

STT	Danh mục tài sản	Địa điểm	Đơn vị tính	Số lượng	Năm xây dựng	Năm bàn giao	Diện tích		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tình trạng tài sản	Ghi chú
							Đất (m ²)	Sàn sử dụng (m ²)				
1	Tuy nen		cái	01	2017	2020			33.531.751.177	33.531.751.177	Đang sử dụng	Đường hầm áp lực dẫn nước, kết cấu BTCT M250 kích thước thông thủy (1,6x1,8), độ dốc đường hầm dẫn nước i = 0,002. Chiều dài 177,40 m.
1.1	Kênh dẫn vào		cái	01	2017	2020			16.668.716.656	16.668.716.656	Đang sử dụng	Kênh hở mặt cắt hình thang, chiều dài 192,2 m, cao độ đáy kênh +22,5m, bề rộng đáy kênh B = 3 m, mái m = 1,5.
1.2	Tháp cống		cái	01	2017	2020		46.8	2.742.903.472	2.742.903.472	Đang sử dụng	- Tháp cống kết cấu bằng BTCT M250, cao trình ngưỡng cửa vào +21.00m. Tháp gồm 2 ngăn: phía trước là ngăn cửa van sửa chữa, phía sau là ngăn thông hơi kết hợp lỗ lên xuống sửa chữa tháp van.

STT	Danh mục tài sản	Địa điểm	Đơn vị tính	Số lượng	Năm xây dựng	Năm bàn giao	Diện tích		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tình trạng tài sản	Ghi chú
							Đất (m ²)	Sàn sử dụng (m ²)				
												<ul style="list-style-type: none"> - Bên trên tháp công có bố trí nhà bao che để đặt máy đóng mở và phục vụ công tác vận hành. - Nội liền tháp van với bờ hồ là cầu công tác dài 32 m kết cấu BTCT M25, bề rộng mặt cầu B = 2.8 m kể cả lan can.
1.3	Nhà quản lý vận hành tháp công		cái	01	2017	2020		21.5	495.280.625	495.280.625	Đang sử dụng	Nhà cấp IV, kết cấu mái BTCT, tường xây gạch, cửa sắt mica.
1.4	Đường quản lý từ đập vào tháp công		cái	01	2017	2020			2.228.439.819	2.228.439.819	Đang sử dụng	Kết cấu BT M300, chiều dày 22 cm, bề rộng mặt đường 3,5 m, lề 2 bên rộng 2x1,25m, tổng chiều rộng mặt đường 6 m, có bố trí rãnh tiêu nước dọc đường phía mái núi bằng đá xây M100. Chiều dài 74,85 m.
1.5	Đoạn ống sau tuyen nen (đoạn 5)		cái	01	2017	2020			145.790.883	145.790.883	Đang sử dụng	Chiều dài 12 m, lót thép dày 10 mm, đoạn đầu 1,8 m, đoạn ra 1,6 m.

STT	Danh mục tài sản	Địa điểm	Đơn vị tính	Số lượng	Năm xây dựng	Năm bàn giao	Diện tích		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tình trạng tài sản	Ghi chú
							Đất (m ²)	Sàn sử dụng (m ²)				
1.6	Hầm van côn		cái	01	2017	2020		65	3.135.833.834	3.135.833.834	Đang sử dụng	- Tổng chiều dài hầm van cả bề tiêu năng là 13,2 m, rộng 5,12 m, nằm sau cửa ra tuyen, kết cấu BTCT M250, nối hầm với tuyen là đoạn ống thép Φ1600mm dày 10 mm bọc BTCT M250 bên ngoài dày 30 cm, trong hầm van có van côn điều tiết lưu lượng, phía sau hầm van là bề tiêu năng và đoạn chuyển tiếp nối với kênh dẫn hạ lưu. Trước van côn bố trí ống cấp nước sinh hoạt Φ25cm + van để đầu nối vào đường ống cấp sau này. Phía trên sàn hầm van bố trí nhà bao che, kết cấu khung BTCT.
1.7	Nhà bao che hầm van côn		cái	01	2017	2020		21.6	191.353.195	191.353.195	Đang sử dụng	Nhà cấp IV, kết cấu mái BTCT, tường xây gạch, cửa khung sắt mica, dài 4,8 m và rộng 4,5 m.
1.8	Khớp nối tuyen		cái	01	2017	2020			222.333.570	222.333.570	Đang sử dụng	Nối các đoạn tuyen là khớp nối PVC O32.

STT	Danh mục tài sản	Địa điểm	Đơn vị tính	Số lượng	Năm xây dựng	Năm bàn giao	Diện tích		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tình trạng tài sản	Ghi chú
							Đất (m ²)	Sàn sử dụng (m ²)				
1.9	Cầu giao thông		cái	01	2017	2020			2.772.683.968	2.772.683.968	Đang sử dụng	Chiều dài L = 31.96 m, rộng 2,8 m, kết cấu BTCT M250, bố trí lan can thép bảo vệ 2 bên thành cầu.
1.10	Kênh hạ lưu		cái	01	2017	2020			4.235.974.839	4.235.974.839	Đang sử dụng	Chiều dài 147,96 m , cao độ đáy đầu kênh +20,50m, đáy cuối kênh tại điểm tiếp giáp kênh chính +20,25m. Kênh hở, mặt cắt hình thang, bề rộng đáy kênh B = 2,5 m, m = 1. Lòng kênh gia cố BTCT dày 15 cm, chia phân đoạn dài L = 5,9 m, bố trí tiêu nước mái 2 bên kênh. Bờ kênh phía bên phải kết hợp làm đường vận hành vào cống rộng B = 5 m.
1.11	Cống điều tiết		cái	01	2017	2020			692.440.317	692.440.317	Đang sử dụng	Nằm trên kênh chính ngay sau vị trí hợp lưu của kênh chính hiện hữu và kênh sau cống tuy nen. Gồm có 02 cửa van phẳng bằng thép BxH=1,5x1,5; kết cấu BTCT M200, bên trên cống dàn van đặt máy đóng mở bằng máy vít quay tay V1.5T.

Phụ lục 3
Danh mục tài sản giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi
Công trình: Hồ chứa nước Núi Một (thuộc dự án Quản lý thiên tai WB5)

Hạng mục: Cơ khí công tụy nen

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: đồng

STT	Danh mục tài sản	Địa điểm	Đơn vị tính	Số lượng	Năm xây dựng	Năm bàn giao	Diện tích		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tình trạng tài sản	Ghi chú
							Đất (m ²)	Sàn sử dụng (m ²)				
1	Cơ khí công tụy nen				2017	2020			4.266.393.103	4.266.393.103	Đang sử dụng	
1.1	Máy đóng mở 20 VĐ1		bộ	01	2017	2020			166.319.180	166.319.180	Đang sử dụng	Sức nâng thiết kế 20T, động cơ 4,5KW.
1.2	Palang kéo tay 5T		bộ	01	2017	2020			18.903.253	18.903.253	Đang sử dụng	Loại Model KCT Hàn Quốc.
1.3	Thiết bị hệ thống xy lanh van côn		bộ	01	2017	2020			501.957.682	501.957.682	Đang sử dụng	Xi lanh thủy lực (2 xi lanh) đường kính piston 100 mm, đường kính cần 70 mm, lực đẩy 11,78 tấn/1 xi lanh, lực kéo 6,008 tấn/1 xi lanh, áp suất bơm 150bar, dung tích thùng dầu 100 lít.

STT	Danh mục tài sản	Địa điểm	Đơn vị tính	Số lượng	Năm xây dựng	Năm bàn giao	Diện tích		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tình trạng tài sản	Ghi chú
							Đất (m ²)	Sàn sử dụng (m ²)				
1.4	Pa lăng điện + xe con 10T		bộ	01	2017	2020			299.957.044	299.957.044	Đang sử dụng	Loại dầm đơn, H nâng = 12 m áp suất làm việc Pn10, vận hành quay tay, vật liệu gang.
1.5	Van chặn D250		cái	01	2017	2020			14.251.142	14.251.142	Đang sử dụng	Hãng sản xuất SHIN-YI, Mặt bích RF 150, áp suất làm việc 0,2Mpa hoạt động bằng điện 380V/50HZ, vật liệu WCB.
1.6	Máy đóng mở V1.5		cái	01	2017	2020			84.071.934	84.071.934	Đang sử dụng	Máy đóng mở loại V1,5A; visme $\phi 40$, l = 1,3 m.
1.7	Khe lưới chắn rác		bộ	01	2017	2020			245.377.578	245.377.578	Đang sử dụng	Rộng 20 cm, cao 29.5 m, kết cấu thép không rỉ CT38, chạy suốt từ cao trình +21,0m đến cao trình +50,5m.
1.8	Lưới chắn rác		bộ	01	2017	2020			61.038.479	61.038.479	Đang sử dụng	BxH = 3,0x3,2m, loại lưới thô khoảng cách lọt sáng giữa 2 thanh lưới b = 80 mm, kết cấu thép không ghi CT38.

STT	Danh mục tài sản	Địa điểm	Đơn vị tính	Số lượng	Năm xây dựng	Năm bàn giao	Diện tích		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tình trạng tài sản	Ghi chú
							Đất (m ²)	Sàn sử dụng (m ²)				
1.9	Kết cấu khe cửa phẳng		bộ	01	2017	2020			110.535.554	110.535.554	Đang sử dụng	Kết cấu thép hàn chiều cao liên tục từ cao trình +21,0m đến cao trình +25,8m.
1.10	Kết cấu cửa phẳng (SUS304)		bộ	01	2017	2020			480.061.653	480.061.653	Đang sử dụng	Kích thước BxH = 1,6x1,8m, kiểu phẳng - bánh xe lăn, kết cấu thép tổ hợp hàn, nâng hạ bằng máy vít chạy điện sức nâng 20 tấn, máy vít được bố trí tại cao trình +50,5m.
1.11	Trục nối, gối đỡ		bộ	06	2017	2020			143.650.768	143.650.768	Đang sử dụng	Gồm 6 bộ gối đỡ bằng thép CT38, 4 trục nối L = 4100 mm, 1 trục tai cửa L = 4100 mm làm bằng thép C45.
1.12	Ống cấp nước tưới		bộ	01	2017	2020			228.167.719	228.167.719	Đang sử dụng	Ống thép D250 bằng thép CT38.
1.13	Ống kiểm tra		bộ	01	2017	2020			120.130.482	120.130.482	Đang sử dụng	Ống thép D1600, L = 1400 mm, bằng thép CT38.
1.14	Khớp lắp ráp D=1600		bộ	01	2017	2020			146.511.365	146.511.365	Đang sử dụng	Khớp thép D1600, L = 1000 mm, bằng thép CT38.

STT	Danh mục tài sản	Địa điểm	Đơn vị tính	Số lượng	Năm xây dựng	Năm bàn giao	Diện tích		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tình trạng tài sản	Ghi chú
							Đất (m ²)	Sàn sử dụng (m ²)				
1.15	Van côn D=1600		bộ	01	2017	2020			1.190.486.067	1.190.486.067	Đang sử dụng	Van côn D1600, L = 2400 mm, bằng thép CT38.
1.16	Khe cửa điều tiết		bộ	02	2017	2020			54.578.874	54.578.874	Đang sử dụng	Kết cấu thép CT38, chiều cao liên tục từ cao trình +20,43m đến cao trình +22,83m.
1.17	Cửa van công điều tiết		bộ	02	2017	2020			108.676.739	108.676.739	Đang sử dụng	Kích thước BxH = 1,5x1,5m, cửa van kiểu phẳng trượt.
1.18	Dầm treo pa lăng		bộ	01	2017	2020			12.935.961	12.935.961	Đang sử dụng	Thép hình I300, L = 5 850 mm.
1.19	Thép lót bể tiêu năng		bộ	01	2017	2020			278.781.628	278.781.628	Đang sử dụng	Kết cấu thép CT38, kích thước BxH = 4x4 (m).

Phụ lục 4
Danh mục tài sản giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi
Công trình: Hồ chứa nước Núi Một (thuộc dự án Quản lý thiên tai WB5)

Hạng mục: Tràn xả lũ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: đồng

STT	Danh mục tài sản	Địa điểm	Đơn vị tính	Số lượng	Năm xây dựng	Năm bàn giao	Diện tích		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tình trạng tài sản	Ghi chú
							Đất (m ²)	Sàn sử dụng (m ²)				
1	Tràn xả lũ		cái	01	2017	2020			26.664.157.455	26.664.157.455	Đang sử dụng	<ul style="list-style-type: none"> - Cao trình ngưỡng: +46.20m (bằng mực nước tích sau lũ). Bề rộng tràn nước tự do B = 25 m. - Hình thức ngưỡng: tràn máng bên, ngưỡng bán thực dụng. - Nối tiếp sau tràn là dốc nước dài 153m bằng BTCT. - Tiêu năng hạ lưu tràn dạng tiêu năng mặt bằng mũi phóng cao độ +19.50m.

Phụ lục 5
Danh mục tài sản giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi
Công trình: Hồ chứa nước Núi Một (thuộc dự án Quản lý thiên tai WB5)
Hạng mục: Đường quản lý vận hành

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: đồng

STT	Danh mục tài sản	Địa điểm	Đơn vị tính	Số lượng	Năm xây dựng	Năm bàn giao	Diện tích		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tình trạng tài sản	Ghi chú
							Đất (m ²)	Sàn sử dụng (m ²)				
1	Đường quản lý vận hành		cái	01	2017	2020			1.726.529.036	1.726.529.036	Đang sử dụng	Chiều dài L = 330 m, rộng mặt đường B _{mặt} = 3.5 m, B _{lề} = 2x1.25m, kết cấu bê tông M300 dày 22 cm, trên lớp dăm lót loại I dày 15 cm.

Phụ lục 6
Danh mục tài sản giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi
Công trình: Hồ chứa nước Núi Một (thuộc dự án Quản lý thiên tai WB5)
Hạng mục: Nhà quản lý đầu mối

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: đồng

STT	Danh mục tài sản	Địa điểm	Đơn vị tính	Số lượng	Năm xây dựng	Năm bàn giao	Diện tích		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tình trạng tài sản	Ghi chú
							Đất (m ²)	Sàn sử dụng (m ²)				
1	Nhà quản lý đầu mối		cái	01	2017	2020	600	187.2	992.938.499	992.938.499	Đang sử dụng	Nhà cấp IV, 1 tầng, kết cấu móng cột khung dầm bằng BTCT M200, móng xây đá chẻ vữa xi măng M75, tường gạch xây M75 trát vữa M100 sơn nước, sàn lát gạch Ceramic 400x400mm, mái lợp tôn lợp sóng dày 4 mm. Cửa đi pano gỗ, cửa sổ kính khung sắt bảo vệ.
2	Bể tự hoại		cái	01	2017	2020		6.4	58.710.730	58.710.730	Đang sử dụng	Kết cấu tường xây gạch vữa M75, thành trong láng vữa XM M75 dày 25 cm, đáy hầm có lớp sỏi hoặc đá dăm dày 10 cm.

Phụ lục 7

Danh mục tài sản giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi
Công trình: Hồ chứa nước Núi Một (thuộc dự án Quản lý thiên tai WB5)

Hạng mục: Thiết bị lắp đặt và hệ thống quan trắc

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: đồng

STT	Danh mục tài sản	Địa điểm	Đơn vị tính	Số lượng	Năm xây dựng	Năm bàn giao	Diện tích		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tình trạng tài sản	Ghi chú
							Đất (m ²)	Sàn sử dụng (m ²)				
1	Thiết bị lắp đặt và hệ thống quan trắc				2017	2020			3.073.770.000	3.073.770.000	Đang sử dụng	
1.1	Móc cơ sở		cái	03	2017	2020			22.307.430	22.307.430	Đang sử dụng	<ul style="list-style-type: none">- Gồm 3 móc, 2 móc nằm phía bên vai trái đập khu vực đầu đập và công tui nen, 01 móc nằm tại cơ đào nền đá tại ngưỡng tràn số 2 cao độ +50,5m.- Kết cấu BTCT M200, diện tích 1,44 m²; có hình dạng nùm thép không gỉ bán kính đầu nùm R = 1 cm.- Phía trên bảo vệ bằng tấm thép kích thước 0,25x0,25x0,01m,

STT	Danh mục tài sản	Địa điểm	Đơn vị tính	Số lượng	Năm xây dựng	Năm bàn giao	Diện tích		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tình trạng tài sản	Ghi chú
							Đất (m ²)	Sàn sử dụng (m ²)				
1.2	Quan trắc thấm		03	cái	2017	2020			86.881.681	86.881.681	Đang sử dụng	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng lại các ống đo áp đã có trên 3 tuyến quan trắc thấm (đường bão hòa). - Hệ thống gồm cáp tín hiệu V6 luồn trong ống HDPE d20, hộp đầu nối 300x400x250mm và cáp tín hiệu có ống bù áp suất, tấm pin năng lượng mặt trời và đầu đo mực nước piezometer được kết nối RTU. - Thiết bị chống sét tín hiệu: Điện áp 32V; dòng điện 675mA; dòng cắt bình thường 3kA; dòng cắt lớn nhất 20kA; xung sét 2.5kA; mức độ bảo vệ IP20.

STT	Danh mục tài sản	Địa điểm	Đơn vị tính	Số lượng	Năm xây dựng	Năm bàn giao	Diện tích		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tình trạng tài sản	Ghi chú
							Đất (m ²)	Sàn sử dụng (m ²)				
1.3	Quan trắc đo mực nước thấm bão hòa		cái	09	2017	2020			1.695.436.133	1.695.436.133	Đang sử dụng	<ul style="list-style-type: none"> - Máy tính dùng làm máy chủ lưu trữ dữ liệu: Bộ vi xử lý: Intel Skylake Core I5-6500 (3.2GHz/6MB) Chipset: Intel; Bộ nhớ ram: 4GB DDR4, Dung lượng ổ cứng: 1000GB SATA 7200rpm; Ổ quang: DVDRW; LAN: Integrated 10/100/1000 Gigabit Ethernet LAN. + Khe cắm mở rộng: 2 low-profile PCIe x1; 1 low-profile PCIe x16 (x4); 1 low-profile PCIe x16; Cổng giao tiếp: 4 USB 3.0; 6 USB 2.0; 1 serial 2 PS/2; 1 VGA; 2 DisplayPort; 1 audio in; 1 audio out; 1 RJ-45; 1 headphone; 1 microphone (Optional: 1 serial; 1 parallel). + Card đồ họa: Intel HD Graphics 530 + Hệ điều hành: Windows 10 Pro 64 bit. Kích thước: 33.8 x 37.9 x 10 cm;

STT	Danh mục tài sản	Địa điểm	Đơn vị tính	Số lượng	Năm xây dựng	Năm bàn giao	Diện tích		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tình trạng tài sản	Ghi chú
							Đất (m ²)	Sàn sử dụng (m ²)				
												Nguồn cung cấp: 300W power supply - Active PFC; 250W power supply - High Valotage.
1.4	Quan trắc đo mực nước hồ		bộ	01	2017	2020			137.658.557	137.658.557		<ul style="list-style-type: none"> - Thiết bị đo điện tử gồm dải đo: 30 m. Vật liệu cảm biến: Thép không rỉ. - Vật liệu dây đo: Thủy tinh cacbon. Báo tín hiệu: Đèn, còi. - Nguồn cấp: 12VDC.
1.5	Quan trắc tràn xả lũ		bộ	02	2017	2020			185.844.508	185.844.508	Đang sử dụng	<ul style="list-style-type: none"> - 01 thiết bị thu thập số liệu qua sóng radio; tích hợp pin năng lượng mặt trời, bộ sạc pin năng lượng mặt trời theo công nghệ dò điểm công suất tối đa, tích hợp ắc quy lưu trữ, tích hợp thiết bị thu phát radio, công suất radio 0-20mW, tần số 418-455MHz, tốc độ truyền không dây 2400, 4800, 9600, 19200 Baud. - 02 thiết bị đo độ mở cửa tràn tiêu chuẩn vận hành ngoài trời, nhiệt đới hóa, nguồn cấp 15-30VDC, dải

STT	Danh mục tài sản	Địa điểm	Đơn vị tính	Số lượng	Năm xây dựng	Năm bàn giao	Diện tích		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tình trạng tài sản	Ghi chú
							Đất (m ²)	Sàn sử dụng (m ²)				
												đo 0-20m, ống TTK đường kính d21, độ dày 1 mm, bảo vệ cáp tín hiệu chống nhiễu.
1.6	Quan trắc công lấy nước		bộ	01	2017	2020			135.079.358	135.079.358	Đang sử dụng	<ul style="list-style-type: none"> - Thiết bị thu thập số liệu qua sóng radio; tích hợp pin năng lượng mặt trời, bộ sạc pin năng lượng mặt trời theo công nghệ dò điểm công suất tối đa, tích hợp ác quy lưu trữ, tích hợp thiết bị thu phát radio, công suất radio 0-20mW, tần số 418-455MHz, tốc độ truyền không dây 2400, 4800, 9600, 19200 Baud. - Cảm biến đo độ mở cửa công lấy nước van côn: Loại cảm biến điện trở, dây kéo, dài đo 1m, độ chính xác 0.3% FS; giao tiếp TTL; giao thức MOD BUS.

STT	Danh mục tài sản	Địa điểm	Đơn vị tính	Số lượng	Năm xây dựng	Năm bàn giao	Diện tích		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tình trạng tài sản	Ghi chú
							Đất (m ²)	Sàn sử dụng (m ²)				
1.7	Trạm đo mực nước sau cống		bộ	01	2017	2020			115.717.413	115.717.413	Đang sử dụng	<ul style="list-style-type: none"> - Cột dựng trạm cao 3 m, đường kính 114 mm đến 89 mm, vật liệu thép mạ kẽm nhúng nóng. - Thiết bị thu thập số liệu qua sóng radio; tích hợp pin năng lượng mặt trời, bộ sạc pin năng lượng mặt trời theo công nghệ dò điểm công suất tối đa, tích hợp ắc quy lưu trữ, tích hợp thiết bị thu phát radio, công suất radio 0-20mW, tần số 418-455MHz, tốc độ truyền không dây 2400, 4800, 9600, 19200 Baud. - Thiết bị đo mực nước kiểu áp suất dải đo 0-35; nguồn cấp 10-30VDC, tín hiệu ra TTL, độ chính xác 0,3%.
1.8	Trạm đo mưa tự động		bộ	02	2017	2020			65.255.444	65.255.444	Đang sử dụng	<ul style="list-style-type: none"> - Tiêu chuẩn vận hành ngoài trời - nhiệt đới hóa; nguồn cấp pin năng lượng mặt trời tích hợp – truyền thông. - Kết nối qua mạng di

STT	Danh mục tài sản	Địa điểm	Đơn vị tính	Số lượng	Năm xây dựng	Năm bàn giao	Diện tích		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tình trạng tài sản	Ghi chú
							Đất (m ²)	Sàn sử dụng (m ²)				
												động GSM 4 băng tần 900/1800/850/1900. Có khả năng truyền thông qua các phương thức SMS/GPRS/EGPRS; đường kính thu nước 8 inch và hệ thống tiếp địa .
1.9	Thiết bị tại nhà quản lý		bộ	01	2017	2020			183.857.938	183.857.938	Đang sử dụng	<p>- Máy tính cài đặt phần mềm cấu hình Core I5-3470 (3,2HZ/6MB) 4GB RAM PC3-12800, 1TB SAT A HDD, DVD RW, NVIDIA GEFORCE GT 620 1GB GEAPHIC, WLAN 802, 11B/G/B 6 IN CARD READER, KEY BOARD/MOUSE, VGA CABLE, 1X HP LED - 2311 F WIDE.</p> <p>- Bảng hiển thị thông tin nhà quản lý: Mica, hiển thị thông tin dạng Led 7 thanh, khắc chữ chìm mặt sau bảng máy, hiển thị độ mở các cửa tràn xả lũ, công... hiển thị được điều khiển trực tiếp bởi bộ thu</p>

STT	Danh mục tài sản	Địa điểm	Đơn vị tính	Số lượng	Năm xây dựng	Năm bàn giao	Diện tích		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tình trạng tài sản	Ghi chú
							Đất (m ²)	Sàn sử dụng (m ²)				
												<p>thập số liệu, bộ thu phát radio.</p> <ul style="list-style-type: none"> - USB 3G, dự phòng đường truyền internet. - Cấp tín hiệu, CAT-6E.
1.10	Hệ thống camera giám sát		bộ	03	2017	2020			445.731.538	445.731.538	Đang sử dụng	<ul style="list-style-type: none"> - Bố trí hệ thống camera giám sát hồ tại 2 vị trí tràn xả lũ, vai phải đập 02 cái và vai trái đập, tuy nen 01 cái. - Cấp nguồn Cu/PVC-2x2,5mm²; bộ chuyển đổi nguồn 220VAC/24VDC, 100W; thiết bị chống sét nguồn 220VAC dòng cắt 80KA, bộ tích năng lượng dung lượng 100Ah, điện áp 12VDC. - Camera giám sát PTZ IP hồng ngoại ngoài trời, cấu hình Độ phân giải 2 Megapixel(1920x1080p), cảm biến 1/2.8" progressive Scan CMOS + độ nhạy sáng cao f1.6, AGC On Color 0,05lux, B/W 0,01lux, 0 lux with

STT	Danh mục tài sản	Địa điểm	Đơn vị tính	Số lượng	Năm xây dựng	Năm bàn giao	Diện tích		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tình trạng tài sản	Ghi chú
							Đất (m ²)	Sàn sử dụng (m ²)				
												IR; + Pan:360° endless; +Tilt: - 15°~90° (Auto Flip) + IR Distance Upto 100m + Ethernet 10Base-T/100Base-TX, RJ45 connector. -Bộ truyền dữ liệu wifi chuyên dụng ngoài trời chuẩn 802.11a/n tần số 5.4GHz chế độ AP, station, station WDS, AP+WDS.